



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Đầu tư**

Số 3550787247

Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh ba lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Cáp Trọng Cường
Ông Trần Xuân Bạo
Ông Nguyễn Việt Trung
Ông Chang Cheng Yung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường
Ông Nguyễn Dương Kim Khôi

Ông Đào Mạnh Đăng

Giám đốc
Phó Giám đốc
(từ ngày 8 tháng 6 năm 2018)
Phó Giám đốc
(đến ngày 8 tháng 6 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-073



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0373-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		165.113.903.085	147.700.847.340
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	23.308.947.895	11.299.620.873
Tiền	111		23.308.947.895	11.299.620.873
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10	3.300.000.000	48.053.375.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.300.000.000	48.053.375.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.941.962.126	44.946.356.441
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	76.723.303.698	43.191.121.373
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		413.300.380	551.795.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.805.358.048	1.203.440.068
Hàng tồn kho	140		11.701.128.780	6.901.144.180
Hàng tồn kho	141	12	11.701.128.780	6.901.144.180
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.861.864.284	36.500.350.846
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	1.863.177.459	2.938.865.671
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.998.686.825	33.561.485.175
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.141.226.011.963	1.181.417.369.158
Tài sản cố định	220		797.903.235.970	761.391.426.878
Tài sản cố định hữu hình	221	13	796.951.504.709	760.241.458.119
Nguyên giá	222		1.051.035.427.471	955.450.004.993
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(254.083.922.762)	(195.208.546.874)
Tài sản cố định vô hình	227	14	951.731.261	1.149.968.759
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.030.643.739)	(832.406.241)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.960.073.055	74.360.171.595
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.960.073.055	74.360.171.595
Tài sản dài hạn khác	260		341.362.702.938	345.665.770.685
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	341.362.702.938	345.665.770.685
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.306.339.915.048	1.329.118.216.498

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		488.807.187.729	583.165.692.496
Nợ ngắn hạn	310		108.648.053.320	205.988.296.971
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	57.393.933.106	59.511.635.350
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.049.176	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	58.464.742	8.327.028
Phải trả người lao động	314		4.567.629.782	8.187.131.082
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.367.223.629	10.267.572.992
Phải trả ngắn hạn khác	319		217.468.461	123.197.211
Vay ngắn hạn	320	20	35.908.694.424	127.890.433.308
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	2.102.590.000	-
Nợ dài hạn	330		380.159.134.409	377.177.395.525
Vay dài hạn	338	20	380.159.134.409	377.177.395.525
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		817.532.727.319	745.952.524.002
Vốn chủ sở hữu	410	22	817.532.727.319	745.952.524.002
Vốn cổ phần	411	23	632.500.000.000	632.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	632.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	(94.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.126.727.319	113.546.524.002
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		108.546.524.002	17.444.452.711
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		76.580.203.317	96.102.071.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.306.339.915.048	1.329.118.216.498

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	25	356.990.827.090	239.848.892.882
Giá vốn hàng bán	11		246.764.369.181	165.570.447.828
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		110.226.457.909	74.278.445.054
Doanh thu hoạt động tài chính	21		370.575.775	176.025.337
Chi phí tài chính	22	26	19.225.900.523	28.491.007.803
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.202.225.795	28.482.199.782
Chi phí bán hàng	25		3.976.935.600	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.813.994.244	9.892.289.521
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		76.580.203.317	36.071.173.067
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		76.580.203.317	36.071.173.067
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		76.580.203.317	36.071.173.067
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.211	627

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	76.580.203.317	36.071.173.067
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	63.698.443.302	57.303.832.071
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(296.735.361)	(175.546.464)
Chi phí lãi vay	06	19.202.225.795	28.482.199.782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	159.184.137.053	121.681.658.456
Biến động các khoản phải thu	09	(46.885.385.113)	(19.602.048.242)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.799.984.600)	(178.425.400)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(5.448.283.672)	13.774.962.006
Biến động chi phí trả trước	12	753.926.043	(172.372.968)
		102.804.409.711	115.503.773.852
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.215.036.890)	(29.596.784.745)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.897.410.000)	(858.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.691.962.821	85.048.389.107
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(23.185.323.938)	(19.703.545.645)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
Tiền thu hồi từ các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.753.375.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	749.313.139	175.546.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	22.317.364.201	(19.527.999.181)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.000.000.000)	(56.945.216.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(89.000.000.000)	(56.945.216.654)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	12.009.327.022	8.575.173.272
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (Thuyết minh 9)	60	11.299.620.873	34.193.745.729
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 9)	70	23.308.947.895	42.768.919.001

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 158 nhân viên (1/1/2018: 137 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch
- Hoạt động lai dắt tàu
- Hoạt động khác

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	280.021.306.278	48.006.004.466	8.789.388.613	20.174.127.733	356.990.827.090
Kết quả kinh doanh của bộ phận					110.226.457.909
Chi phí không phân bổ					(33.646.254.592)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					76.580.203.317
Chi tiêu vốn					23.185.323.938
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					58.875.375.888
Khấu hao tài sản cố định vô hình					198.237.498

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	183.133.323.619	40.222.429.521	5.851.634.360	10.641.505.382	239.848.892.882
Kết quả kinh doanh của bộ phận					74.278.445.054
Chi phí không phân bổ					(38.207.271.987)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					36.071.173.067
Chi tiêu vốn					19.703.545.645
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					52.480.764.276
Khấu hao tài sản cố định vô hình					198.237.498

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	60.181.265.436	10.317.293.836	1.888.986.721	4.335.757.705	76.723.303.698 1.229.616.611.350
Tổng tài sản					<u>1.306.339.915.048</u>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	45.104.184.360	916.927.062	167.879.588	11.204.942.096	57.393.933.106 431.413.254.623
Tổng nợ phải trả					<u>488.807.187.729</u>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	32.464.925.426	7.518.715.726	951.765.602	2.255.714.619	43.191.121.373
Tổng tài sản					1.285.927.095.125
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	50.041.826.055	1.185.544.693	169.974.107	8.114.290.495	59.511.635.350
Tổng nợ phải trả					523.654.057.146
					583.165.692.496

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3.353.626.379	1.323.147.094
Tiền gửi ngân hàng	19.955.321.516	9.976.473.779
	23.308.947.895	11.299.620.873

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.300.000.000	(*)	48.053.375.000	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	385.913.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	20.699.309.433	13.136.404.895
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.929.206.730	-
Bên thứ ba		
Maersk Line A/S	19.913.967.452	15.690.005.081
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	12.362.248.121	6.143.222.902
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	8.876.574.476	4.257.538.221
Các khách hàng khác	12.556.084.486	3.963.950.274
	<hr/> 76.723.303.698	<hr/> 43.191.121.373

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

12. Hàng tồn kho

	30/6/2018	Giá gốc
	VND	1/1/2018
		VND
Nguyên vật liệu	11.701.128.780	6.901.144.180

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	381.286.262.089	46.417.022.200	511.811.343.388	15.935.377.316	955.450.004.993
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.404.803.182	9.586.468.673	84.594.150.623	-	95.585.422.478
Phân loại lại	10.454.007.693	-	1.429.407.273	(11.883.414.966)	-
Số dư cuối kỳ	393.145.072.964	56.003.490.873	597.834.901.284	4.051.962.350	1.051.035.427.471
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	55.724.965.963	10.124.660.567	126.040.032.246	3.318.888.098	195.208.546.874
Khấu hao trong kỳ	15.016.789.130	4.255.575.645	38.728.537.999	874.473.114	58.875.375.888
Phân loại lại	1.836.784.355	-	385.939.964	(2.222.724.319)	-
Số dư cuối kỳ	72.578.539.448	14.380.236.212	165.154.510.209	1.970.636.893	254.083.922.762
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	325.561.296.126	36.292.361.633	385.771.311.142	12.616.489.218	760.241.458.119
Số dư cuối kỳ	320.566.533.516	41.623.254.661	432.680.391.075	2.081.325.457	796.951.504.709

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 796.952 triệu VND (1/1/2018: 760.241 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	832.406.241
Khấu hao trong kỳ	198.237.498
Số dư cuối kỳ	1.030.643.739
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.149.968.759
Số dư cuối kỳ	951.731.261

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	74.360.171.595	5.249.866.877
Tăng trong kỳ	23.185.323.938	19.703.545.645
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(95.585.422.478)	(9.983.665.521)
Số dư cuối kỳ	1.960.073.055	14.969.747.001

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Lắp ráp tài sản cố định	978.073.055	978.073.055
Nâng cấp hệ thống điều khiển biển tần cho cần cầu RTG/TCM	982.000.000	6.130.867.102
Mua cầu MHC	-	57.700.425.038
Mua máy phát điện 2,200 KVA	-	8.568.806.400
Mua 02 khung chụp Stinis cho cầu MHC	-	982.000.000
	1.960.073.055	74.360.171.595

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí đại tu, sửa chữa lớn	806.171.359	964.089.089
Phí bảo hiểm trả trước	891.259.353	1.419.549.436
Công cụ dụng cụ	165.746.747	555.227.146
	1.863.177.459	2.938.865.671

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	321.425.679.162	24.240.091.523	345.665.770.685
Mua trong kỳ	-	6.660.232.000	6.660.232.000
Phân bổ trong kỳ	(4.624.829.916)	(6.338.469.831)	(10.963.299.747)
Số dư cuối kỳ	316.800.849.246	24.561.853.692	341.362.702.938

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	Giá gốc và số có khả năng trả nợ
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.566.100.282	5.136.010.525
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh	17.673.784.338	16.109.447.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh	6.739.621.043	2.064.030.741
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	893.081.667	1.520.057.000
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.253.510.773	-
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Tâm Cảng Đình Vũ	9.131.227.800	-
Công ty TNHH quốc tế B2B	216.271.000	5.110.756.112
Công ty Cổ phần Vận tải biển quốc tế VISC	-	9.248.486.734
Công ty Cổ phần Dịch Vụ vận tải và kho vận Hồng Quân	-	6.181.141.800
Các nhà cung cấp khác	11.920.336.203	14.141.704.688
	57.393.933.106	59.511.635.350

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018	Số phải nộp	Số đã bù trừ	Số đã nộp	30/6/2018
	VND	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	22.524.863.646	(14.792.468.638)	(7.732.395.008)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.327.028	309.442.372	-	(259.304.658)	58.464.742
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	8.327.028	22.837.306.018	(14.792.468.638)	(7.994.699.666)	58.464.742

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	7.797.014.139	9.809.825.234
Trích trước chi phí tiền điện phải trả	540.209.490	345.247.758
Trích trước chi phí khác	30.000.000	112.500.000
	<hr/>	<hr/>
	8.367.223.629	10.267.572.992
	<hr/>	<hr/>

20. Các khoản vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm đáo	30/6/2018	1/1/2018
	tiền	năm	hạn	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	VND	8,3%	2025	349.341.745.562	437.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	7,0% - 8,3%	2025	66.726.083.271	67.726.083.271
				<hr/>	<hr/>
				416.067.828.833	505.067.828.833
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(35.908.694.424)	(127.890.433.308)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				380.159.134.409	377.177.395.525
				<hr/>	<hr/>

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 796.952 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 760.241 triệu VND) (Thuyết minh 13).

(**) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Căng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Trích lập trong kỳ	5.000.000.000	2.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(2.897.410.000)	(858.600.000)
Số dư cuối kỳ	2.102.590.000	1.141.400.000

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	575.000.000.000	-	19.444.452.711	594.444.452.711
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	36.071.173.067	36.071.173.067
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2017	575.000.000.000	-	53.515.625.778	628.515.625.778
Số dư tại ngày 1/1/2018	632.500.000.000	(94.000.000)	113.546.524.002	745.952.524.002
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	76.580.203.317	76.580.203.317
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2018	632.500.000.000	(94.000.000)	185.126.727.319	817.532.727.319

Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.250.000	632.500.000.000	63.250.000	632.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000	63.250.000	632.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000	63.250.000	632.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	774.916	17.774.402.282	325.003	7.366.203.194
EUR	475	12.836.998	19.490	526.571.906
		<u>17.787.239.280</u>		<u>7.892.775.100</u>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Dịch vụ bốc dỡ container	280.021.306.278	183.133.323.619
Doanh thu chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	48.006.004.466	40.222.429.521
Doanh thu lai dắt tàu	8.789.388.613	5.851.634.360
Dịch vụ khác	20.174.127.733	10.641.505.382
	<hr/>	<hr/>
	356.990.827.090	239.848.892.882

26. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay	19.202.225.795	28.482.199.782
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.674.728	8.808.021
	<hr/>	<hr/>
	19.225.900.523	28.491.007.803

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nhân công	5.589.723.462	5.028.769.500
Chi phí khấu hao	1.072.710.612	1.039.691.322
Chi phí đồ dùng văn phòng	260.574.904	813.616.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.705.414.009	1.850.209.259
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.185.571.257	1.160.003.097
	<hr/>	<hr/>
	10.813.994.244	9.892.289.521

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.824.547.362	14.159.859.450
Chi phí khấu hao và phân bổ	63.698.443.302	57.303.832.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.752.224.504	93.590.012.137
Chi phí khác	17.280.083.857	5.784.873.394

29. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.580.203.317	36.071.173.067
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.658.020.332	3.607.117.307
Chi phí không được khấu trừ thuế	27.600.113	17.642.455
Ưu đãi thuế	(7.685.620.445)	(3.624.759.762)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho kỳ kế toán báo cáo là 76.580.203.317 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 36.071.173.067 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 63.250.000 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 57.500.000 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2018. Nếu trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ		
Cung cấp dịch vụ	1.216.545.000	2.842.153.833
Mua dịch vụ	16.965.807.894	9.307.862.042
Trả gốc vay	1.000.000.000	11.945.216.654
Chi phí lãi vay	2.746.152.637	3.594.913.550
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	95.428.572.569	85.427.454.186
Chi phí hoa hồng	3.976.935.600	1.652.692.200
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi Sao Xanh		
Mua dịch vụ	38.748.509.307	21.858.217.273
Cung cấp dịch vụ	275.130.000	
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh		
Mua dịch vụ	5.158.738.449	3.615.845.000
Cung cấp dịch vụ	129.670.000	-
Công ty TNHH MTV Bến Xanh		
Mua dịch vụ	-	3.618.592.609
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	3.031.380.340	-
Mua dịch vụ	14.293.948.066	7.813.458.519

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	76.370.000	-
Mua dịch vụ	22.558.772.709	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	442.284.901	445.164.329

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cap Trọng Cường
 Giám đốc

Số: 71 /TCTH-VGR

Hải phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (mã CK: VGR) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	36.071.173.067	76.580.203.317	40.509.030.250	112.30 %

Nguyên nhân chủ yếu:

Sáu tháng đầu năm 2018, lượng tàu khai thác tại Cảng tăng nhiều so với sáu tháng đầu năm 2017 nên doanh thu bốc xếp tại cầu tàu và doanh thu nâng hạ tại bãi tăng so với cùng kỳ năm trước. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2018 tăng: 40.509.030.250 đồng, tương ứng với tăng: 112.30 % so với sáu tháng đầu năm 2017.

Trân trọng.

GIÁM ĐỐC



Trần Trọng Cường
GIÁM ĐỐC
Trần Trọng Cường

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT